

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 336/2025/DS-ST

Ngày: 24 - 9 - 2025

“V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Văn Hùng

Bà Nguyễn Thị Rạt

- **Thư ký phiên tòa:** bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Còn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 02/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 463/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 284/2025/QĐST – DS ngày 09/9/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959. Địa chỉ: D, ấp S, xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N là ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp và ông Lê Hoàng N1, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp (ông N1 vắng mặt, ông P có mặt)

Bị đơn: ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp X, xã H, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp S, xã H, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1998. Địa chỉ: ấp S, xã H, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

3/ Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1998. Địa chỉ: ấp S, xã H, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2025, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N do ông Nguyễn Hoàng P trình bày và yêu cầu như sau:

Chồng bà Nguyễn Thị N là ông Nguyễn Văn N2 (chết ngày 13/11/2024) (“Ông N2”) có cho ông Nguyễn Văn V (“Ông V”) vay các khoản tiền như sau:

Khoản vay 1: số tiền là 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) theo Giấy mượn tiền được lập vào ngày 15/5/2023 (“Giấy Mượn Tiền”) với thời hạn vay là 01 tháng, tính đến ngày 15/6/2023.

Khoản vay 2: số tiền là 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) theo Giấy mượn tiền được lập vào ngày 8/7/2023 (“Giấy Mượn Tiền”) với thời hạn vay là 01 tháng.

Khoản vay 3: số tiền là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) vào ngày 8/8/2023. Chi trả nợ gốc được 3 triệu vào ngày 26/12/2023.

Tổng nợ gốc còn lại: 87.000.000 đồng. Tuy nhiên, mãi cho đến hiện nay, Ông V vẫn không trả đủ nợ gốc đối với khoản vay nêu trên cho Ông N2. Theo đó, do nhiều tháng Ông V không trả khoản vay theo Giấy Mượn Tiền nên ông N2 đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu Ông V trả tiền, nhưng Ông V vẫn tìm đủ mọi lý do để không trả tiền cho ông N2. Sau khi ông N2 chết, bà N đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu ông V trả tiền nhưng ông V vẫn cố tình né tránh và không trả tiền. Hành vi của ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả khoản vay và đã trực tiếp xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của gia đình bà N.

Bà N và ông Nguyễn Văn N2 có 03 con chung gồm: bà Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc T1 và Nguyễn Ngọc A.

Bà N cho rằng hành vi của ông V là vi phạm nghĩa vụ trả, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Do đó, bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Văn V phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền còn nợ là 87.000.000 đồng (*tám mươi bảy triệu đồng*) tiền và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn V trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn V trình bày như sau:

Ông V thống nhất một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Ông V thừa nhận có vay của ông Nguyễn Văn N2 (chồng bà N, đã chết) số tiền tổng cộng là 60.000.000 đồng theo hai giấy mượn tiền lập ngày 15/5/2023 và ngày

08/7/2023, mỗi giấy 30.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đối với khoản tiền 30.000.000 đồng ghi ngày 08/8/2023 mà bà N cho rằng ông V có vay thêm của ông N2, ông V không thừa nhận, cho rằng không có việc vay mượn tiền vào ngày này. Theo ông V, tổng số tiền ông vay thực tế chỉ là 60.000.000 đồng và ông đã trả được 30.000.000 đồng, nên chỉ còn nợ lại 30.000.000 đồng.

Ông V thừa nhận hai giấy mượn tiền ngày 15/5/2023 và 08/7/2023 có chữ ký và dấu vân tay của mình; riêng phần giấy đề ngày 08/8/2023 thì ông V không ký và không để dấu vân tay, không thừa nhận là do mình lập.

Về tiền lãi, ông V cho biết trong thời gian vay, ông có trả lãi cho ông N2, tuy nhiên việc trả lãi không có giấy tờ chứng minh, vì theo ông, ông N2 không chịu ký nhận khi nhận tiền lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Nguyễn Ngọc A vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và cam kết thống nhất yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh phát biểu quan điểm như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền nghĩa vụ và chấp hành nội quy phiên tòa do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào sự thừa nhận của ông V về số tiền ông V vay của ông Nguyễn Văn N2 số tiền là 60.000.000 đồng theo hai giấy nợ ngày 15/5/2023 và ngày 08/7/2023 nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối với số tiền vay 30.000.000 đồng ghi ngày 8/8/2023 ông V không thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

Đối với yêu cầu tính lãi quá hạn: do nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn V trả cho bà N số vay còn nợ, trả một lần bằng tiền mặt ngay khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu

lực pháp luật. Ông Nguyễn Văn V cư trú tại ấp X, xã H, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt có người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng P có mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn V có mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Nguyễn Ngọc A vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa ông Nguyễn Hoàng P, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn V phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền còn nợ là 87.000.000 đồng (*tám mươi bảy triệu đồng*) tiền và tiền lãi quá hạn theo quy định tuy nhiên tại phiên tòa ông P không yêu cầu Hội đồng xét xử tính lãi mà chỉ yêu cầu ông V trả tiền gốc là không vượt phạm vi khởi kiện ban đầu của bà N nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thấy rằng: do có mối quan hệ quen biết nên ông Nguyễn Văn N2 có cho ông V vay tiền, thời hạn vay là 01 tháng, không thỏa thuận lãi, ông Nguyễn Văn V thừa nhận có vay của ông Nguyễn Văn N2 hai khoản tiền theo hai giấy mượn tiền ngày 15/5/2023 và 08/7/2023, tổng cộng 60.000.000 đồng, ông V cho rằng đã trả được 30.000.000 đồng, nên chỉ còn nợ lại 30.000.000 đồng. Ông V không thừa nhận có vay thêm 30.000.000 đồng vào ngày 08/8/2023, cho rằng giấy ghi ngày này không phải do ông lập, ký hoặc điểm chỉ.

Thấy rằng Giấy mượn tiền ngày 15/5/2023 và 08/7/2023 có chữ ký và dấu vân tay của ông Nguyễn Văn V, được ông V thừa nhận nên có giá trị pháp lý, xác định quan hệ vay tiền giữa ông Nguyễn Văn N2 và ông Nguyễn Văn V là có thật.

Đối với Giấy mượn tiền ngày 08/8/2023, ông V không thừa nhận, bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh khoản vay này được giao kết thực tế .

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án công nhận phần nghĩa vụ mà ông V đã thừa nhận là vay 60.000.000 đồng.

Việc ông Nguyễn Văn V trình bày đã trả 30.000.000 đồng nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho trình bày của ông nên không có căn cứ xem xét. Vậy nên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 60.000.000 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[5] Căn áp dụng quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 trong việc tính lãi đối với các số tiền chậm thi hành án.

[6] Về án phí: áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: ông V có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 60.000.000 đồng nên phải có nghĩa vụ chịu 3.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị N không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên bà N phải chịu tiền án phí trên số tiền không được chấp nhận nhưng bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên bà N không phải nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357; Điều 463; Điều 468, Điều 466 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Nguyễn Văn V về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành.

2. Về án phí: ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ chịu 3.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà N phải chịu 1.350.000 đồng tiền án phí do yêu cầu không được chấp nhận nhưng bà N là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, nên bà N không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 3 – Tây Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Vụ